



ISSN:  
1859-3100

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM TP HỒ CHÍ MINH  
**TẠP CHÍ KHOA HỌC**

KHOA HỌC GIÁO DỤC  
Tập 16, Số 4 (2019): 90-100

Email: tapchikhoahoc@hcmue.edu.vn; Website: http://tckh.hcmue.edu.vn

HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION  
**JOURNAL OF SCIENCE**

EDUCATION SCIENCE  
Vol. 16, No. 4 (2019): 90-100

## NHU CẦU TIN TRÊN HỆ THỐNG THƯ VIỆN ĐIỆN TỬ CỦA SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Huỳnh Văn Sơn\*, Đỗ Tất Thiên, Nguyễn Thanh Huân*

*Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh*

*\* Tác giả liên hệ: Huỳnh Văn Sơn – Email: sonhv@hcmue.edu.vn*

*Ngày nhận bài: 01-10-2018 ngày nhận bài sửa: 10-10-2018; ngày duyệt đăng: 24-4-2019*

### TÓM TẮT

*Bài viết đề cập nhu cầu tin trên hệ thống thư viện (TV) điện tử của sinh viên Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHSP TPHCM). Nhu cầu tin được biểu hiện qua năm mặt cơ bản: nhu cầu về việc sử dụng thông tin; nhu cầu về nguồn thông tin; nhu cầu về dạng thông tin; nhu cầu về ngôn ngữ của thông tin và nhu cầu về việc chia sẻ thông tin trên hệ thống TV điện tử. Kết quả nghiên cứu cho thấy đa phần sinh viên (SV) đều có nhu cầu tin trên hệ thống TV điện tử với tổng ba mức từ khá mong muốn đến rất mong muốn, chiếm 90,78% trên toàn mẫu.*

*Từ khóa:* nhu cầu, nhu cầu tin, hệ thống thư viện điện tử, SV.

### 1. Đặt vấn đề

Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh là một trong 14 trường đại học trọng điểm quốc gia và là một trong hai trường đại học sư phạm trọng điểm của cả nước, đóng vai trò nòng cốt, đầu đàn đối với hệ thống các trường sư phạm và phổ thông ở phía Nam. Trong 40 năm qua, Trường đã đào tạo hàng trăm nghìn SV đại học, học viên sau đại học, đào tạo lại và bồi dưỡng thường xuyên cho giáo viên của các địa phương; hợp tác đào tạo và nghiên cứu khoa học với nhiều trường đại học trên thế giới... Nhận thức được tầm quan trọng của TV, trong những năm gần đây, TV Trường ĐHSP TPHCM đã chú trọng đầu tư, phát triển (trang thiết bị, nguồn lực thông tin, nâng cao trình độ cán bộ TV...), chuẩn hóa nghiệp vụ... nhằm mục đích phục vụ cho người dùng tin ngày một tốt hơn. TV đang có những sắc thái mới, có bước chuyển mình từ TV truyền thống sang TV hiện đại, từng bước hình thành trung tâm thông tin – tư liệu của một trường đại học, trong đó có sự đầu tư định hướng phát triển TV theo mô hình TV điện tử.

Trong xã hội hiện đại, việc tìm kiếm, chia sẻ thông tin từ hệ thống TV điện tử (TV chia sẻ giáo án điện tử, bài giảng điện tử, đề thi kiểm tra và tư liệu kiến thức được tổ chức thành các bộ sưu tập có hệ thống...) của Trường ĐHSP TPHCM đã trở thành xu thế chung. Điều này cho thấy việc tiến hành điều tra, tìm hiểu và phân tích nhu cầu trên hệ thống TV điện tử của SV Trường ĐHSP TPHCM là nhiệm vụ quan trọng, cấp thiết.

### 2. Phương pháp và khách thể nghiên cứu

#### 2.1. Phương pháp nghiên cứu

Phương pháp chính được sử dụng là phương pháp điều tra bằng bảng hỏi phối hợp

với phương pháp xử lý số liệu bằng thống kê toán học và phương pháp phỏng vấn sâu để thu thập dữ liệu đa chiều. Bảng hỏi về nhu cầu tin trên hệ thống TV điện tử của khách thể được chúng tôi dựa vào các kinh nghiệm nghiên cứu nhu cầu của các nghiên cứu cùng nhóm (Hoàng Trần Doãn, 2006; Hà Thị Bình Hòa, 2001; Nguyễn Sĩ Mạnh, 2005), kết hợp với đặc điểm tâm lý của SV được xét trong bối cảnh của TV điện tử hiện nay (Huỳnh Văn Sơn, 2015; Lã Thị Thu Thùy, 2009) để xác định các chỉ báo nghiên cứu: nhu cầu tin nói chung, nguồn tin, dạng thông tin, ngôn ngữ thể hiện, ý nghĩa của tin...

## 2.2. Khách thể nghiên cứu

Tiến hành đánh giá chung dựa trên nhóm mẫu SV *đã có kinh nghiệm nhất định về việc tiếp cận tin trên hệ thống TV điện tử*. Điều này sẽ tạo ra dữ liệu khá khách quan theo yêu cầu của nguyên tắc tiếp cận thực tiễn và hoạt động trong nghiên cứu. Trong số 181 SV thuộc 3 khoa đào tạo tham gia cuộc khảo sát, có 141 SV phản hồi chính thức và đạt yêu cầu. Bên cạnh đó, tỉ lệ SV nam và nữ cũng không có sự chênh lệch nhiều khi SV nữ chiếm 45%, SV nam là 55% trên toàn mẫu. Điều này cho thấy tỉ lệ tham gia bảng khảo sát khá cao, 77,90% và số liệu này có thể mang tính khách quan nhất định từ cuộc nghiên cứu.

## 3. Kết quả nghiên cứu

### 3.1. Đánh giá chung về nhu cầu tin trên hệ thống TV điện tử của SV Trường ĐHSP TPHCM (xem Bảng 1)

**Bảng 1.** Đánh giá chung về nhu cầu tin trên hệ thống TV điện tử của SV Trường ĐHSP TPHCM

STT	Ngành đào tạo (*)		Tổng số SV	Tổng số SV phản hồi	Chia theo giới tính		Tổng số SV được khảo sát có nhu cầu dùng tin trên hệ thống TV điện tử				
	Ngành	Lớp			Nam	Nữ	Rất mong muốn	Mong muốn	Khá mong muốn	Ít mong muốn	Không mong muốn
1	Vật lí	SP Lí A	38	30	17	13	2	20	6	0	2
2	Vật lí	SP Lí B	38	31	14	17	4	12	9	6	0
3	CNTT	SP Tin A, B	43	33	19	14	8	10	13	0	2
4	Địa lí	SP Địa A, B	62	46	13	33	16	22	6	2	0
<b>Tổng số</b>			181	140	63	77	30	64	34	8	4

Bảng 1 cho thấy đa phần SV đều đạt mức mong muốn trong nhu cầu tin trên hệ thống TV điện tử. Tổng tỉ lệ 3 mức từ Khá mong muốn đến Rất mong muốn chiếm 90,78% - một tỉ lệ rất cao. Nổi bật nhất trong đó là 45,39% khách thể mong muốn, 21,28% khách thể rất mong muốn trong đánh giá chung về nhu cầu tin trên hệ thống TV điện tử. Như vậy phần lớn SV mong muốn được tiếp cận tin trên hệ thống TV điện tử của trường. Do đó, việc nghiên cứu biểu hiện thực trạng này và đề ra các biện pháp nhằm đáp ứng nhu cầu tin trên hệ thống TV điện tử của SV Trường ĐHSP TPHCM là rất cần thiết.

Tuy nhiên, dữ liệu cũng cho thấy vẫn còn gần 10% SV chưa thật sự có nhu cầu - mong muốn tiếp cận tin trên hệ thống TV điện tử là thực tế cũng cần quan tâm. Trong số đó có 2,8% SV không mong muốn. Bàn về vấn đề này, SV T.H cho biết: “*Em nghĩ việc học trên TV điện tử hay tìm hiểu tin trên TV điện tử vẫn khó vì không phải ai cũng có smart phone có cấu hình đủ mạnh và máy tính. Để kết nối với TV điện tử một cách dễ dàng. Kiến thức và kỹ năng về công nghệ thông tin còn hạn chế cũng là một rào cản lớn. Hơn nữa, trường không phải lúc nào cũng có wifi nên nhu cầu này cũng khó đáp ứng*”. Rõ ràng, thực tế này đáng suy ngẫm vì việc kích thích nhu cầu tin, truyền thông để SV hiểu đúng về TV điện tử, elearning và các kỹ năng sử dụng chúng cũng như việc chuẩn bị các điều kiện, phương tiện để đáp ứng nhu cầu này cần thực hiện nghiêm túc ở Trường ĐHSP TPHCM nói riêng và các trường đại học ở Việt Nam nói chung.

Để làm rõ hơn nhu cầu tin của SV trên hệ thống TV điện tử, cần khảo sát các biểu hiện cụ thể của nhu cầu cũng như các vấn đề có liên quan nhằm cụ thể hóa thông tin điều tra. Kết quả nghiên cứu được trình bày ở mục 3.2.

### **3.2. Đánh giá cụ thể về nhu cầu tin trên hệ thống TV điện tử của sinh viên Trường ĐHSP TPHCM**

#### **3.2.1. Nhu cầu về việc sử dụng thông tin trên hệ thống TV điện tử của SV Trường ĐHSP TPHCM (xem Bảng 2)**

*Bảng 2. Mức mong muốn về việc sử dụng thông tin trên hệ thống TV điện tử của SV Trường ĐHSP TPHCM*

Nội dung	Rất mong muốn		Mong muốn		Khá mong muốn		Ít mong muốn		Không mong muốn	
	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %
1. Thiết kế dễ tìm hiểu, khai thác	84	60,0	46	32,9	5	3,6	3	2,1	2	1,4
2. Việc truy cập đơn giản	89	63,6	38	27,1	9	6,4	1	0,7	3	2,1
3. Không bị quá tải, nghẽn	94	67,1	37	26,4	0	0,0	3	2,1	6	4,3
4. Có hướng dẫn sử dụng cụ thể	72	51,4	53	37,9	11	7,9	2	1,4	2	1,4
5. Có người tư vấn, giúp đỡ	51	36,4	60	42,9	25	17,9	2	1,4	2	1,4
6. Nội dung tin khoa học, dễ hiểu	86	61,4	41	29,3	9	6,4	2	1,4	2	1,4

7. Tin logic, rõ ràng, đúng quy định	78	55,7	46	32,9	13	9,3	1	0,7	2	1,4
8. Dễ đọc, dễ xem, dễ quản lí	85	60,7	43	30,7	8	5,7	1	0,7	3	2,1
9. Đa dạng loại hình (bài giảng, sách, luận văn, tạp chí...)	91	65,0	29	20,7	14	10,0	4	2,9	2	1,4
10. Tồn tại dưới nhiều ngôn ngữ	30	21,4	54	38,6	31	22,1	13	9,3	12	8,6
11. Xuất xứ cả trong, ngoài nước	46	32,9	45	32,1	35	25,0	11	7,9	3	2,1

Bảng 2 cho thấy đánh giá chung ở 11 biểu hiện của nhu cầu tin được khảo sát, tất cả đều đạt mức mong muốn với tỉ lệ trên 80% nếu tính gộp từ mức “khá mong muốn”; “mong muốn” và “rất mong muốn”. Nếu xét riêng mức “mong muốn” và “rất mong muốn”, có đến 9/11 biểu hiện đạt tỉ lệ cận 80% đến trên 90%, cao nhất là con số 93,5% ở biểu hiện: mạng không bị quá tải, nghẽn mạch.

Cùng với sự phát triển của nhịp sống hiện đại, con người ngày càng có nhu cầu hướng đến sự tiện nghi và nhanh chóng. Việc truy cập thông tin trên hệ thống TV điện tử cũng vậy, trong thời đại công nghệ 4.0, SV càng có nhu cầu tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng, tiện lợi và tiết kiệm thời gian. Các nhu cầu trên là điều dễ hiểu cũng như rất chính đáng mà nhà trường cũng như các cơ quan có liên quan cần xem xét để chuẩn bị các điều kiện đáp ứng sao cho phù hợp, nhằm thỏa mãn nhu cầu của SV hiện nay từ việc tiếp cận hoạt động chủ đạo của tuổi SV (Huỳnh Văn Sơn, 2015).

Ngoài ra, có hai biểu hiện SV có tỉ lệ lựa chọn chưa mong muốn khá cao - nếu cộng dồn ở hai mức cụ thể: ít mong muốn và không mong muốn. Cụ thể như với biểu hiện: tồn tại dưới nhiều ngôn ngữ, có 17,9% SV ít và không mong muốn. Ở biểu hiện kế tiếp: Xuất xứ cả trong và ngoài nước vẫn còn 10% SV ít và không mong muốn. Rõ ràng, đây là vấn đề cần xem xét và tìm hiểu nguyên nhân. Kết quả phỏng vấn các khách thể ở nhóm này cho thấy SV e ngại về ngoại ngữ, lo lắng về khả năng đọc tiếng nước ngoài, chưa hiểu về yêu cầu bản quyền... SV M cho biết: “*Em nghĩ việc đọc tin trên TV điện tử mà bằng nhiều ngôn ngữ không cần vì như thế sẽ mất thời gian nếu SV không có khả năng về ngoại ngữ. Hơn nữa, SV của chúng em khả năng ngoại ngữ nhìn chung vẫn còn khá nhiều hạn chế và lại không đồng đều...*”. Hay SV M.T cho biết: “*Em nghĩ thay vì mình đọc sách bằng tiếng nước ngoài, có thể dịch nhanh để SV sẽ thuận lợi trong việc tham khảo do hạn chế nhất định về thời gian và trình độ...*”.

Kết quả này cho thấy cần xem xét về việc trang bị kỹ năng ngoại ngữ cũng như các yêu cầu về đạo đức nghiên cứu, sở hữu trí tuệ cho SV đặc biệt là SV Trường ĐHSP TPHCM. Đây vừa là yêu cầu mang tính bắt buộc, vừa là những kỹ năng cần có của một cử nhân để sẵn sàng bước vào cuộc cách mạng khoa học công nghệ 4.0.

3.2.2. *Nhu cầu về nguồn thông tin trên hệ thống TV điện tử của SV Trường ĐHSP TPHCM (xem Bảng 3)*

**Bảng 3.** Các mức độ cần đáp ứng của nguồn thông tin trên hệ thống TV điện tử của SV Trường ĐHSP TPHCM

Nội dung	Rất mong muốn		Mong muốn		Khá mong muốn		Ít mong muốn		Không mong muốn	
	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %
1. Xếp theo tiến trình thời gian	58	41,4	55	39,3	19	13,6	6	4,3	2	1,4
2. Số lượng phong phú	69	49,3	48	34,3	16	11,4	3	2,1	4	2,9
3. Tác giả từ nhiều nguồn	56	40,0	59	42,1	14	10,0	3	2,1	8	5,7
4. Thông tin mới nhất	78	55,7	44	31,4	13	9,3	3	2,1	2	1,4
5. Theo nhu cầu người học	87	62,1	33	23,6	15	10,7	3	2,1	2	1,4
6. Thông tin theo trường/nước; lĩnh vực	56	40,0	60	42,9	16	11,4	6	4,3	2	1,4
7. Nội dung độc đáo, có nét riêng	68	48,6	51	36,4	15	10,7	4	2,9	2	1,4
8. Hình thức có điểm nhấn, dễ nhận diện	75	53,6	41	29,3	15	10,7	7	5,0	2	1,4
9. Dễ nhận ra điểm đặc trưng	78	55,7	38	27,1	18	12,9	4	2,9	2	1,4
10. Gây ấn tượng, kích thích tìm hiểu	80	57,1	40	28,6	14	10,0	3	2,1	3	2,1
11. Tin kiểm duyệt	55	39,3	61	43,6	16	11,4	6	4,3	2	1,4
12. Tin có bản quyền	55	39,3	55	39,3	24	17,1	3	2,1	3	2,1
13. Tin có đối tượng phục vụ rõ ràng	59	42,1	59	42,1	19	13,6	1	0,7	2	1,4
14. Tin có định hướng nghiên cứu, ứng dụng	71	50,7	41	29,3	23	16,4	3	2,1	2	1,4
15. Tin bám sát mục tiêu đào tạo	80	57,1	41	29,3	16	11,4	1	0,7	2	1,4

16. Tin phục vụ việc học tập và nghiên cứu	84	60,0	47	33,6	6	4,3	1	0,7	2	1,4
17. Tin đáp ứng khởi nghiệp của SV	83	59,3	43	30,7	11	7,9	1	0,7	2	1,4
18. Tin hỗ trợ các khó khăn của SV	76	54,3	52	37,1	8	5,7	0	0,0	4	2,9
19. Tin phù hợp với các đối tượng (SV khiếm thị, trình độ)	78	55,7	54	38,6	6	4,3	0	0,0	2	1,4

Bảng 3 cho thấy các biểu hiện nổi bật nhất về mức độ cần đáp ứng của nguồn thông tin trên hệ thống TV điện tử là: cần phải đáp ứng được nhu cầu người học (62,1% ở mức rất mong muốn). Bên cạnh đó, nguồn tin phục vụ việc học tập và nghiên cứu đang được SV đặc biệt quan tâm (chiếm 60%).

Ngoài ra, nếu xét ở mức rất mong muốn, các biểu hiện đều đạt tỉ lệ trên 50%, bao gồm: Tin đáp ứng khởi nghiệp của SV, 59,3%; Tin bám sát mục tiêu đào tạo, 57,1%; Thông tin mới nhất - cập nhật, 55,7%; Dễ nhận ra điểm đặc trưng của tin, 55,7%; Tin gây ấn tượng, kích thích tìm hiểu, 55,7%; Tin phù hợp với các đối tượng (SV khiếm thị, trình độ), 55,7%; Tin hỗ trợ các khó khăn của SV, 54,3%; Hình thức tin độc đáo, có điểm nhấn, 53,6%; Tin có định hướng nghiên cứu, ứng dụng, 50,7%.

Nếu cộng dồn ở hai mức rất mong muốn và mong muốn thì các biểu hiện khảo sát cho thấy, trong 19 biểu hiện, gần như tất cả các biểu hiện đều đạt tỉ lệ gần 85% - hơn 3/4 mẫu dân số. Điều này cho thấy đây có thể là các biểu hiện hay các chỉ báo trong nhu cầu về sự đáp ứng thông tin mà hệ thống TV điện tử cần đáp ứng cho SV Trường ĐHSP TPHCM để hướng đến việc thỏa mãn nhu cầu tin trên hệ thống TV điện tử như học tập, nghiên cứu khoa học, định hướng nghề nghiệp – lập nghiệp, vui chơi – giải trí.

Nguồn tin trên hệ thống TV điện tử phải được xây dựng nhằm thỏa mãn nhu cầu lĩnh hội tri thức của SV, tạo cho SV những cảm xúc tích cực từ đó thúc đẩy hoạt động sử dụng nguồn tin trên hệ thống TV điện tử một cách thường xuyên. Do đó, trước khi tổ chức, xây dựng hệ thống TV điện tử dành cho SV, cần đảm bảo bám sát các yêu cầu này về nguồn thông tin dành cho SV vì chính SV sẽ là chủ thể sử dụng, khai thác tin trên hệ thống TV điện tử nhằm đạt được mục tiêu.

Dữ liệu nghiên cứu của đề tài là nguồn tham khảo quan trọng cho việc đầu tư phát triển hệ thống TV điện tử hiện nay của nhiều trường đại học nhằm đảm bảo tính khách quan, hiệu quả và tiết kiệm. Đây cũng chính là trách nhiệm của nhà đầu tư và người sử dụng đối với việc xây dựng cơ sở vật chất, hạ tầng thông tin và các điều kiện khác cho hệ thống TV điện tử.

## 3.2.3. Nhu cầu về dạng thông tin trên hệ thống TV điện tử

Song song với việc khảo sát các yêu cầu về nguồn thông tin, việc khảo sát dạng thông tin trong nhu cầu tin của SV rất quan trọng. Kết quả khảo sát được thể hiện ở Bảng 4 dưới đây:

**Bảng 4.** Các dạng thông tin trên hệ thống TV điện tử cần tập trung để đáp ứng nhu cầu SV Trường ĐHSP TPHCM

Nội dung	Rất mong muốn		Mong muốn		Khá mong muốn		Ít mong muốn		Không mong muốn	
	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %
1. Đề cương bài giảng	63	45,0	45	32,1	24	17,1	4	2,9	4	2,9
2. Bài giảng cụ thể	91	65,0	36	25,7	9	6,4	2	1,4	2	1,4
3. Tạp chí, bài báo khoa học	40	28,6	58	41,4	31	22,1	9	6,4	2	1,4
4. Luận văn, luận án, Đề tài khoa học	53	37,9	43	30,7	33	23,6	9	6,4	2	1,4
5. Giáo trình	64	45,7	37	26,4	33	23,6	4	2,9	2	1,4
6. Sách chuyên khảo	57	40,7	45	32,1	32	22,9	2	1,4	4	2,9
7. Tài liệu tham khảo, sách hướng dẫn	67	47,9	49	35,0	20	14,3	2	1,4	2	1,4
8. Đề thi, kiểm tra	60	42,9	52	37,1	22	15,7	4	2,9	2	1,4
9. Nguồn học liệu mới có đường dẫn	59	42,1	52	37,1	24	17,1	3	2,1	2	1,4
10. Tài liệu nghe, nhìn	77	55,0	45	32,1	15	10,7	1	0,7	2	1,4
11. Khác...	43	30,7	33	23,6	37	26,4	14	10,0	13	9,3

Bảng 4 cho thấy:

- Trong 10 dạng thông tin chính thức được khảo sát, có thể nhận thấy có đến 10 dạng được hơn 2/3 mẫu khảo sát lựa chọn ở mức rất mong muốn và mong muốn. Trong đó, thấp nhất là luận văn, luận án, đề tài khoa học với tỉ lệ là 68,6% và cao nhất là bài giảng cụ thể của giảng viên với tỉ lệ 90,7%. Điều này cho thấy đây là thông tin cần quan tâm nếu muốn khai thác hệ thống TV điện tử nhằm đáp ứng dạng thông tin mà SV cần khai thác, sử dụng. Đồng thời, tránh để hệ thống TV điện tử rơi vào cảnh: hoạt động không hiệu quả và kéo theo các hệ lụy khác.

- Dựa trên 5 mức khảo sát mong muốn của SV, chúng tôi tập trung vào mức rất mong muốn, số liệu cho thấy có đến 65% khách thể nghiên cứu mong muốn bài giảng phải thật cụ thể, lớn hơn rất nhiều so với các dạng thông tin khác như: đề cương bài giảng (45%), tạp chí, bài báo khoa học (28.6%), luận văn, luận án, đề tài khoa học (37,9%)... Điều này

cho thấy SV đặc biệt quan tâm đến việc nghiên cứu, đào sâu kiến thức một cách hiệu quả. Đứng vị trí thứ 2, SV mong muốn được tiếp cận với dạng thông tin “tài liệu nghe, nhìn” với tỉ lệ 55% cũng là con số cần lưu tâm.

- Có đến 54,3% SV lựa chọn dạng thông tin khác trên hệ thống TV điện tử cần tập trung đáp ứng. Kết quả phỏng vấn bổ sung cho thấy các thông tin khác ở đây có thể đề cập là: các trò chơi, bài tập, thí nghiệm, quy trình tổ chức các hoạt động... Thực tế cho thấy các chi tiết này vẫn giao thoa với các dạng trên đã đề cập cho nên có thể nhận thấy các dạng thức thông tin từ 1 đến 10 đã đề cập là những dạng thông tin chính thức có thể khai thác và đáp ứng nhu cầu SV.

Rõ ràng tất cả các phân tích cho thấy các dạng thức thông tin đã nêu cần được đầu tư cho hệ thống TV điện tử. Bởi đây chính là thế mạnh của hệ thống TV điện tử bằng cách tác động đến nhiều giác quan của người học với nhiều dạng thông tin tương ứng. Ngoài việc nhìn bằng thị giác, thông tin trên hệ thống còn có thể được mã hóa dưới dạng audio, giúp người học tiếp thu thông tin một cách hiệu quả bằng nhiều giác quan cùng lúc. Đây là hạn chế mà nhiều hệ thống TV điện tử đang gặp phải khi quá tập trung trên bình diện hình ảnh mà bỏ qua kênh âm thanh. Đây cũng là một biện pháp có thể đáp ứng nhu cầu của SV chưa có điều kiện về công nghệ thông tin để xem video clip chất lượng, nhất là SV khiếm thị.

3.2.4. *Nhu cầu về ngôn ngữ thông tin trên hệ thống TV điện tử đáp ứng nhu cầu của SV Trường ĐHSP TPHCM (xem Bảng 5)*

Ngôn ngữ thông tin trên hệ thống TV điện tử là một vấn đề rất quan trọng vì nó góp phần định hướng phát triển hệ thống TV điện tử đúng hướng nhu cầu người dùng cũng như giảm tối đa việc đầu tư lãng phí. Vì thế, có 7 ngôn ngữ chính thức đề tài khảo sát và 1 lựa chọn dành cho ngôn ngữ khác. Nếu xem xét vào nhóm mẫu ở 3 khoa đã đề cập trong đề tài nghiên cứu này, việc khảo sát khá phù hợp do không có SV chuyên ngữ hay sư phạm chuyên ngữ.

**Bảng 5.** *Mong muốn ngôn ngữ thông tin trên hệ thống TV điện tử để đáp ứng nhu cầu của SV Trường ĐHSP TPHCM*

Nội dung	Rất mong muốn		Mong muốn		Khá mong muốn		Ít mong muốn		Không mong muốn	
	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %
1. Tiếng Việt	124	88,6	16	11,4	0	0,0	0	0,0	0	0,0
2. Tiếng Anh	49	35,0	46	32,9	31	22,1	2	1,4	12	8,6
3. Tiếng Pháp	7	5,0	15	10,7	22	15,7	34	24,3	62	44,3
4. Tiếng Nga	5	3,6	14	10,0	15	10,7	40	28,6	66	47,1



5. Tiếng Trung	8	5,7	16	11,4	13	9,3	33	23,6	70	50,0
6. Tiếng Hàn	5	3,6	20	14,3	17	12,1	32	22,9	66	47,1
7. Tiếng Nhật	11	7,9	16	11,4	15	10,7	33	23,6	65	46,4
8. Ngôn ngữ khác	5	3,6	9	6,4	16	11,4	37	26,4	73	52,1

Bảng 5 cho thấy tiếng Việt và tiếng Anh là hai ngôn ngữ được quan tâm hàng đầu. Tuy nhiên, nhu cầu sử dụng tiếng Việt (88,6% ở mức rất mong muốn) cao 2,5 lần so với nhu cầu sử dụng tiếng Anh (35% ở mức rất mong muốn) cũng phản ánh nhu cầu khá rõ của SV.

Bên cạnh đó, có thể đề cập thêm một vài vấn đề cụ thể ở Bảng 5:

- Có 10% SV chưa mong muốn thông tin trên TV điện tử bằng tiếng Anh;
- Các ngôn ngữ còn lại có tỉ lệ SV chưa mong muốn khá cao, dao động từ 65% đến 80%: tiếng Pháp, 68,6%; tiếng Nga, 75,7%; tiếng Trung, 73,6%; tiếng Hàn, 70%; tiếng Nhật, 70%;
- Các ngôn ngữ khác SV mong muốn và rất mong muốn cũng có tỉ lệ cộng dồn là 10% có thể kể đến: tiếng Tây Ban Nha, tiếng Đức...

Như vậy, có thể khẳng định rằng ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh là hai ngôn ngữ cần đầu tư nhiều nhất trên hệ thống TV điện tử. Tuy nhiên, kết quả khảo sát cũng cho thấy SV vẫn còn ngại ngần việc sử dụng tiếng Anh trên hệ thống TV điện tử vì những khó khăn ở khả năng ngôn ngữ, thói quen sử dụng ngôn ngữ...

3.2.5. *Nhu cầu về việc chia sẻ thông tin trên hệ thống TV điện tử đáp ứng nhu cầu của SV Trường ĐHSP TPHCM (xem Bảng 6)*

**Bảng 6.** *Việc chia sẻ thông tin trên hệ thống TV điện tử để đáp ứng nhu cầu đáp ứng nhu cầu của SV Trường ĐHSP TPHCM*

Nội dung	Rất mong muốn		Mong muốn		Khá mong muốn		Ít mong muốn		Không mong muốn	
	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %	Tần số	Tỉ lệ %
1. Tự tải lên không cần kiểm duyệt	31	22,1	28	20,0	24	17,1	27	19,3	30	21,4
2. Có bộ phận kiểm duyệt trước khi tải lên	80	57,1	33	23,6	15	10,7	8	5,7	4	2,9
3. Trả phí khi tải tài liệu	11	7,9	6	4,3	9	6,4	33	23,6	81	57,9
4. Chỉ đọc trực tiếp trên mạng	15	10,7	11	7,9	23	16,4	39	27,9	52	37,1
5. Chỉ sử dụng nội bộ	24	17,1	15	10,7	26	18,6	33	23,6	42	30,0
6. Có đội ngũ tìm kiếm hỗ trợ	60	42,9	35	25,0	26	18,6	7	5,0	12	8,6
7. Chia sẻ hệ thống	60	42,9	31	22,1	32	22,9	12	8,6	5	3,6

Kết quả khảo sát về việc chia sẻ thông tin trên hệ thống TV điện tử ở Bảng 6 cho thấy:

- SV rất mong muốn có bộ phận kiểm duyệt chất lượng trước khi tải lên (57,1% ở mức rất mong muốn) nhằm đảm bảo nguồn tin chính xác và có uy tín. Rõ ràng, việc nhiều thông tin và quá nhiều trang mạng hoạt động hiện nay làm cho SV có sự lo lắng cũng như mong đợi thông tin cần chính thức. Điều này cũng cho thấy việc quản lý thông tin chính thống và kiểm duyệt, định hướng cho SV kỹ năng khai thác thông tin và xử lý thông tin là rất cần thiết.

- SV lại không mong muốn phải trả phí khi tải tài liệu về (57,9% ở mức rất mong muốn). Điều này cho thấy xu hướng dùng miễn phí đã và đang hiện diện trong khá nhiều SV được khảo sát – “muốn được nhiều và mất ít nhất”. Tuy nhiên, thực tế này cũng cần thay đổi vì tất cả đều là sản phẩm trí tuệ, là sở hữu của các cá nhân hay tổ chức cần được bảo hộ, trả bản quyền khi khai thác. Bên cạnh đó, cần cân nhắc việc có tính phí trả tài liệu hay không vì phần kinh phí này vừa duy trì hoạt động của hệ thống, vừa làm cho SV có trách nhiệm với tài liệu mình đang tiếp cận.

- Nhu cầu có đội ngũ hỗ trợ đạt mức mong muốn và rất mong muốn lên đến 67,9%. Bên cạnh đó, việc được chia sẻ hệ thống có tỉ lệ 65% cũng là con số cần lưu ý để đáp ứng nhu cầu của SV về tin trên hệ thống TV điện tử. Đây là thách thức đối với các nhà đầu tư, các chuyên viên của bộ phận thông tin - TV, các giảng viên và những nhà quản lý hiện nay.

#### **4. Kết luận**

Thư viện trường đại học là bộ phận có vai trò quan trọng trong quá trình đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường đại học, đặc biệt là trong giai đoạn nay, ảnh hưởng của TV đến quá trình hình thành và phát triển năng lực của người học ở trường đại học rất đáng kể. Tìm kiếm, chia sẻ thông tin trên TV điện tử được xem là một trong những yếu tố then chốt, cần thiết cho việc nâng cao chất lượng học tập, nâng cao chất lượng nghiên cứu ở bất kỳ lĩnh vực nào; đồng thời góp phần giải quyết các vấn đề khác nhau trong cuộc sống mà người được đào tạo cần có. Nghiên cứu nhu cầu tin trên hệ thống TV điện tử của SV Trường ĐHSP TPHCM là rất cần thiết và xác lập những cơ sở quan trọng để định hướng phát triển nhà trường hiện nay. Thông qua việc khảo sát nhu cầu tin trên hệ thống TV điện tử của SV Trường ĐHSP TPHCM, có thể rút ra một số kết luận sau:

- Đa phần SV đều mong muốn có nhu cầu tin trên hệ thống TV điện tử. Điều này cho phép kết luận rằng SV mong muốn được tiếp cận tin trên hệ thống TV điện tử của trường.

- Trong thời đại công nghệ 4.0, SV ngày càng có nhu cầu tìm kiếm thông tin một cách nhanh chóng, tiện lợi và tiết kiệm thời gian.

- Nguồn tin trên hệ thống TV điện tử phải được xây dựng nhằm thỏa mãn nhu cầu lĩnh hội tri thức của SV, tạo cho SV những cảm xúc tích cực trên hệ thống TV điện tử một cách thường xuyên.

- SV quan tâm đến việc nghiên cứu, đào sâu kiến thức một cách hiệu quả theo định hướng học tập và nghiên cứu.

- Ngôn ngữ tiếng Việt và tiếng Anh vẫn là ngôn ngữ cần được đầu tư nhiều trên hệ thống TV điện tử ưu tiên nhất.
- Việc quản lý thông tin chính thống và kiểm duyệt cũng như định hướng cho SV kỹ năng khai thác thông tin và xử lý thông tin là rất cần thiết.

❖ **Tuyên bố về quyền lợi:** Các tác giả xác nhận hoàn toàn không có xung đột về quyền lợi.

### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hoàng Trần Doãn. (2006). *Nghiên cứu nhu cầu điện ảnh của sinh viên*. Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Hà Thị Bình Hòa. (2001). *Tìm hiểu nhu cầu thông tin của khách thể tuyên truyền*. Luận án Tiến sĩ Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- Nguyễn Sĩ Mạnh. (2005). *Nghiên cứu nhu cầu trong nhân cách của người quân nhân*. *Tạp chí Tâm lý học*, 3.
- Huỳnh Văn Sơn. (2015). *Tâm lý học sư phạm Đại học*. NXB Đại học Sư phạm TPHCM.
- Lã Thị Thu Thủy. (2009). *Tìm hiểu nhu cầu thành đạt nghề nghiệp của cán bộ trẻ thông qua mong muốn cạnh tranh trong công việc*. *Tạp chí Tâm lý học*, 9.

---

### INFORMATION NEED ON ELIB SYSTEM OF STUDENTS OF HO CHI MINH CITY UNIVERSITY OF EDUCATION

*Huynh Van Son\*, Do Tat Thien, Nguyen Thanh Huan*

*Ho Chi Minh City University of Education*

*\*Corresponding author: Huynh Van Son – Email: sonhv@hcmue.edu.vn*

*Received: 01/10/2019; Revised: 10/10/2019; Accepted: 24/4/2019*

### ABSTRACT

*The paper discusses the information need on eLib system of students of Ho Chi Minh City University of Education through five basic aspects: need of information usage; information source; information types, information languages and information sharing on eLib. The study results show that the majority of students demonstrate need for information on eLib with 3 levels from “quite” to “very”, accounting for 90,78% of the participants.*

**Keywords:** need/ demand, information need, eLib system/ eLib, students.